

Bản án số: 35/2022/DS - PT

Ngày 21 tháng 7 năm 2022

V/v Tranh chấp quyền về lối đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- T phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn;

Ông Tạ Văn Thành.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Vân -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2022/DS - PT ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền về lối đi qua”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS - ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2022/QĐXX - PT ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim T, sinh năm 1961 và ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1970 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu T, xã T, H.T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Văn Mạnh T– Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Mạnh N– Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã T.

2. Công ty giao thông đường bộ: Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ N T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ P. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Duy H– Chức vụ: Đội trưởng đội quản lý và thu phí cầu T, Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ P.

(Bà T, ông T, ông Đ, bà N có mặt; ông N, ông H có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông T, bà T trình bày: Về nguồn gốc đất: Năm 2010 ông Nguyễn Tiến T và bà Hoàng Thị Kim T có mua diện tích đất xô lũ của ông Nguyễn Hữu Cgiáp đường tỉnh lộ 316 tại khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích đất ông, bà mua khoảng 830m², phía Bắc 33m; phía Nam 16m giáp đường tỉnh lộ 316; phía Đông 31m giáp đất thổ cư nhà ông M; phía Tây giáp nương nước, giá thỏa thuận là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) hai bên

lập giấy chuyển nhượng ngày 13/02/2010 có xác nhận của UBND xã T, gia đình ông, bà đã sử dụng trồng cây lâu năm. Đến năm 2014 gia đình ông T, bà T được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 229489, thửa đất số 52-1, tờ bản đồ số 26, địa chỉ khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ có diện tích là 1.372m² đất, cấp ngày 13/10/2014 gia đình ông, bà sử dụng, đến năm 2020 được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CO 279557, thửa đất số 87, tờ bản đồ số 28 diện tích 1.582,9 m² đất. Mục đích sử dụng trồng cây lâu năm, thời hạn năm đến năm 2064, cấp ngày 24/7/2020 đứng tên bà Hoàng Thị Kim T và ông Nguyễn Tiến T, địa chỉ khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi được đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà canh tác, sử dụng không tranh chấp với ai.

Đến ngày 07/8/2021 ông Nguyễn Đình Đ và vợ bà Nguyễn Thị N ở khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã tổ chức người chặt phá cây cối hoa màu, tháo dỡ cột cổng và tự ý chôn cọc bê tông, căng dây thép gai rào lấn chiếm, bịt kín toàn bộ phần đất hành lang giao thông đường tỉnh lộ 316 phía trước thửa đất của gia đình ông bà đang canh tác. Hiện nay gia đình ông, bà không có lối đi vào thửa đất để canh tác, sử dụng thửa đất trên, đường hành lang giao thông có chiều rộng là 4m, chiều dài là 16m. Sau khi sự việc xảy ra ông, bà đã báo cáo trưởng khu Hành chính khu T và UBND xã T, ngày 14/8/2021 và ngày 17/8/2021 UBND xã T hòa giải hai bên nhưng không thành.

Nay ông T, bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết buộc ông Đ, bà N phải tháo dỡ toàn bộ hàng rào dây thép gai, thu hoạch toàn bộ cây cỏ voi trồng trên hành lang giao thông trước thửa đất của ông bà, trả lại cho ông bà lối đi vào thửa đất, để ông bà tiếp tục canh tác sử dụng, địa chỉ khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đối với tài sản bị thiệt hại là 02 bụi tre = 960.000đ; 04 bụi chuối = 400.000đ; 02 cây cảnh, cây Thiết mộc lan = 4.000.000đ ông bà trồng trên hành lang giao thông đã bị gia đình ông Đ, bà N chặt phá có trị giá là 5.360.000đ. (Năm triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng). Nay ông T, bà T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị N trình bày: Gia đình ông Đ, bà N có mảnh đất khai hoang để trồng hoa màu từ năm 1980 do bố mẹ ông Đ để lại, có diện tích khoảng 250m² đất, phía Bắc giáp ruộng ông C, phía Nam giáp đường tỉnh lộ 316, phía Đông giáp đất bà T, khi bố mẹ ông chết gia đình ông Đ, bà N tiếp tục sử dụng và đã cho cháu Nguyễn Thị M khoảng 150m² đất để làm nhà ở, diện tích đất còn lại gia đình ông, bà vẫn sử dụng trồng hoa màu. Sau đó ông T, bà T đã mua thửa ruộng của nhà ông C, nên ông T có sang nhà ông, bà hỏi đi nhờ vào thửa đất của ông T, bà T. Năm 2016 chị M có hỏi mượn thửa đất của ông, bà để đổ vật liệu xây dựng nên ông, bà không rào lại, vẫn cho ông T, bà T đi nhờ vào vườn để canh tác. Trên đất còn có bụi tre vừa rồi ông, bà thấy không có hiệu quả kinh tế nên đã chặt bỏ để trồng cây hoa màu khác, còn phần đất ruộng của ông C bán cho ông T, bà T thì ông không lấn chiếm, phần đất của gia đình ông bà là đất vỡ hoang ven đường, gia đình ông bà có công khai phá và sử dụng từ năm 1980 có ông C và nhiều bà con xung quanh làm chứng. Diện tích đất trên gia đình ông Đ, bà N không được Nhà nước giao, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông T, bà T khởi kiện ông Đ, bà N dỡ bỏ hàng rào dây thép gai trả lại lối đi vào thửa đất và yêu cầu bồi thường chặt phá cây cối hoa màu trên thửa đất hành lang giao thông ông Đ, bà N không nhất trí vì cây cối hoa màu trên đất là của gia đình

ông bà trồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã T huyện T. Người đại diện theo ủy quyền ông Hà Mạnh Ntrình bày: Ông Nguyễn Tiến T và bà Hoàng Thị Kim T có 01 thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL229498, thửa đất số 52 -1, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.372m² hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến năm 2064, cấp ngày 13/10/2014 đứng tên ông Nguyễn Tiến T và bà Hoàng Thị Kim T, địa chỉ: Tại khu T xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Năm 2020 ông T, bà T đã được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 279557, thửa đất số 87, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.582,9m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến năm 2064. Trong đó đất trồng cây lâu năm 1.372,0m², đất trồng cây lâu năm 210,9m² đến ngày 01/07/2064, cấp ngày 24/7/2020 đứng tên ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị Kim T, sinh năm 1961, địa chỉ: Khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đối với ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị N không được Nhà nước giao đất, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất, khu vực đang tranh chấp. Trước đó gia đình ông Đ (Không biết cụ thể là ai) có trồng một số hoa màu vào toàn bộ phần hành lang giao thông nơi đang xảy ra tranh chấp trên địa bàn Ủy ban nhân dân xã T quản lý, cụ thể trồng cây gì, trồng từ khi nào thì Ủy ban nhân dân xã không biết được. Đến khoảng tháng 8/2021 giữa gia đình bà T và gia đình ông Đ xảy ra tranh chấp, ông Đ đã chặt phá cây cối trên đất, bà T có làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T giải quyết, Ủy ban nhân dân xã đã mời hai gia đình đến giải quyết, hòa giải nhưng không thành.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, buộc gia đình ông Đ, bà N phải tháo dỡ hàng rào, thu hoạch cây cối trồng trên hành lang giao thông để trả lại lối đi cho gia đình bà T, ông T lấy lối đi vào canh tác thửa đất trên.

2. Công ty quản lý và xây dựng đường bộ Phú Thọ: Người đại diện theo ủy quyền ông Phùng Duy H trình bày: Toàn bộ đường Hành lang giao thông đường tỉnh lộ 316 do Hạt giao thông được giao quản lý, chủ sử dụng thửa đất hợp pháp bên trong hành lang giao thông được quyền sử dụng phần hành lang này để làm lối đi. Đối với vụ việc tranh chấp giữa gia đình ông T, bà T và gia đình ông Đ, bà N quan điểm của Hạt giao thông như sau: Ông Nguyễn Tiến T và bà Hoàng Thị Kim T là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát với hành lang giao thông, nên gia đình ông T, bà T được quyền sử dụng phần hành lang giao thông làm lối đi vào thửa đất của mình để canh tác sử dụng. Việc ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị N rào phần hành lang giao thông, bịt lối đi trước mặt thửa đất hộ gia đình ông T, bà T là không đúng. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà N trả lại phần hành lang giao thông để ông T, bà T có lối đi vào thửa đất của mình để canh tác sử dụng.

Theo biên bản xác minh ngày 22/12/2021 ông Nguyễn Đình Thế - Trưởng khu hành chính khu T, xã T trình bày: Ông Nguyễn Tiến T và bà Hoàng Thị Kim T có 01 thửa đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.582,9m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/7/2020 đứng tên ông Nguyễn Tiến T, bà Hoàng Thị Kim T, địa chỉ: Khu T, xã T, huyện T, tỉnh

Phú Thọ theo mặt đường 316, phía ngoài hành lang mặt đường giao thông trước đó có trồng một số cây. Hiện nay gia đình ông Nguyễn Đình Đ đã chặt toàn bộ số cây này, cụ thể là cây gì, trồng từ bao giờ thì ông không biết, khi chặt cây thì bà T và ông Đ không báo cáo khu hành chính biết để giải quyết. Nay việc tranh chấp lối đi giữa gia đình ông T, bà T và gia đình ông Đ, bà N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng:

*.Theo biên bản ghi lời khai ngày 06/01/2022 ông Nguyễn Đ Chuyên trình bày: Khoảng năm 2010 ông Chuyên có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến T và bà Hoàng Thị Kim T có 01 thửa đất tại khu T, xã T, khi bán có viết giấy chuyển nhượng, trước khi ông chuyển nhượng cho ông T, bà T không có bụi tre nào, thửa đất là đất trống không có cây cối, hoa màu gì.

*.Theo biên bản ghi lời khai ngày 06/01/2022 bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà Nguyễn Thị V làm nhà tại khu T, xã T từ tháng 12/1984 bà được biết bà V là mẹ anh Đ trồng khoai sọ dọc hành lang đường, còn đất của ai thì bà V không biết, trên đất có những loại cây già, ai khai thác bà V không nắm được.

*.Theo biên bản ghi lời khai ngày 06/01/2022 chị Nguyễn Thúy M trình bày: Mẹ đẻ chị Nguyễn Thúy M là bà Nguyễn Thị B, bà B là chị gái ruột ông Nguyễn Đình Đ, ông bà ngoại chị M là ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị V có cho bà B là mẹ chị M 01 thửa đất, sau đó bà B cho chị thừa đất trên, chị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị M. Hiện nay chị M đã xây nhà 2 tầng kiên cố giáp phần đất của ông T và ông Đ đang tranh chấp, trước khi làm nhà chị biết có 01 hàng cây bạch đàn do ông Đ trồng kéo dài theo dọc hành lang, khi chị làm nhà thì ông Đ chặt hàng cây bạch đàn trên phần đất hiện nay ông Đ trồng cây cỏ voi, có 01 bụi tre của nhà ông Đ, sau đó chị M đi nước ngoài không biết ai chặt bụi tre này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 169, Điều 246, Điều 247, Điều 248, Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 170; Điều 171, Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến T, bà Hoàng Thị Kim T đối với ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị N.

Xử: Buộc ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời 03 dây thép gai, mỗi một dây có chiều dài 18m; 08 cọc bê tông có chiều cao tính từ mặt đất lên là 1,35m, mặt cắt ngang hình vuông 10 x 10cm; 05 cọc tre có chiều cao tính từ mặt đất lên là 1,35m, mặt cắt ngang hình vuông đường kính 5cm, thu hoạch diện tích trồng cây cỏ voi có chiều dài là 10m x 4 m chiều rộng = 40m² trên phần đất lối đi thuộc đất hành lang giao thông đường tỉnh lộ 316 trước thửa đất số 87, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.582,9m², cấp ngày 24/7/2020 đứng tên ông Nguyễn Tiến T và bà Hoàng Thị Kim T. Địa chỉ Khu T xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, để trả lại lối đi cho hộ gia đình ông Nguyễn Tiến T, bà Hoàng Thị Kim T.

Bản án còn tuyên các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 04/4/2022 ông Nguyễn Đình Đ - Là bị đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử lại.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Đình Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho việc kháng cáo của mình. Ông Đ thừa nhận đây là hành lang giao thông, khi nào nhà nước lấy thì ông sẽ trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về nguồn gốc đất: Năm 2010 vợ chồng bà T ông T có mua lại của ông Phạm Hữu C diện tích đất khoảng 830m² với giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), hai bên có làm đơn đề nghị xác nhận chuyển nhượng đất phục hóa ngày 13/02/2010 và được trưởng khu hành chính Ủy ban nhân dân xã T xác nhận. Sau đó gia đình ông T bà T đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 229489 (Thửa đất số 52-1, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.372 m²). Ông bà sử dụng ổn định, đến năm 2020 Ủy ban nhân dân huyện T cấp đổi lại bìa số CO 279557 (Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 28, diện tích 1582,9m²). Diện tích đất ông T bà T được cấp giáp với hành lang giao thông là đất do Nhà nước quản lý. Kể từ khi ông T bà T mua lại diện tích đất của ông C thì ông bà vẫn sử dụng lối đi hành lang giao thông vào thửa đất canh tác ổn định, không tranh chấp với ai.

Đến ngày 07/8/2021 ông Nguyễn Đình Đ và vợ bà Nguyễn Thị N đã tổ chức người chặt phá cây cối hoa màu, tháo dỡ cột cổng và tự ý chôn cọc bê tông, căng dây thép gai rào lấn chiếm, bịt kín và trồng cây cỏ voi trên toàn bộ phần đất hành lang giao thông đường tỉnh lộ 316 trước thửa đất của ông T, bà T đang canh tác, gây ra nhiều khó khăn cho gia đình ông, bà sử dụng thửa đất trên, hiện nay gia đình ông, bà không có lối đi vào thửa đất để canh tác, sử dụng. Tại (bút lục 51) được ông Phùng Duy H— là đại diện cho đơn vị quản lý đất hành lang giao thông đường tỉnh lộ 316 xác nhận “... Toàn bộ phần hành lang giao thông đường tỉnh lộ 316 do Hạt giao thông quản lý chủ sử dụng thửa đất hợp pháp bên trong hành lang giao thông được quyền sử dụng phần hành lang này làm lối đi... Bà Hoàng Thị Kim Thị T và ông Nguyễn Tiến T là chủ sở hữu hợp pháp, được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát với hành lang giao thông nên được sử dụng phần hành lang giao thông làm lối đi...”. Mặt khác Ủy ban nhân dân xã T là chính quyền sở tại quản lý về đất đai cũng có quan điểm tại (BL 61): “... Đối với ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị N không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất này. Trước đó gia đình ông Đ (không biết cụ thể là ai) có trồng một số cây cối hoa màu vào toàn bộ phần hành lang giao thông do Ủy ban nhân dân xã T quản lý...”. Như vậy, ông Đ bà N không được Ủy ban nhân dân xã T giao, cấp đất và không được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị

trí đất mà ông Đ, bà N đã tự ý rào dây thép gai và trồng cỏ voi trên hành lang giao thông tại địa bàn Ủy ban nhân dân xã T và Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ P quản lý. Như vậy căn cứ theo Điều 254 Bộ luật Dân sự thì bà T có quyền được sử dụng hành lang giao thông để làm lối đi vào thửa đất canh tác.

Từ những căn cứ trên, kháng cáo của ông Nguyễn Đình Đ không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp phúc giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/TLST - ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình Đ phải án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/TLST - ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 169, Điều 246, Điều 247, Điều 148, Điều 248, Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 170; Điều 171, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến T, bà Hoàng Thị Kim T đối với ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị N.

Xử: 1. Buộc ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời 03 dây thép gai, mỗi một dây có chiều dài 18m; 08 cọc bê tông có chiều cao tính từ mặt đất lên là 1,35m, mặt cắt ngang hình vuông 10 x 10cm; 05 cọc tre có chiều cao tính từ mặt đất lên là 1,35m, mặt cắt ngang hình vuông đường kính 5cm, thu hoạch diện tích trồng cây cỏ voi có chiều dài là 10m x 4 m chiều rộng = 40m² trên phần đất lối đi thuộc đất hành lang giao thông đường tỉnh lộ 316 trước thửa đất số 87, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.582,9m², cấp ngày 24/7/2020 đứng tên ông Nguyễn Tiến T và bà Hoàng Thị Kim T. Địa chỉ Khu T xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, để trả lại lối đi cho hộ gia đình ông Nguyễn Tiến T, bà Hoàng Thị Kim T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Tiến T, bà Hoàng Thị Kim T theo quyết định số 11/2021/QĐ - TA ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Đình Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phúc thẩm.

Xác nhận ông Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2020/0006767 ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 luật thi hành án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS H. T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

